

R thuốc sản xuất nội địa
Tiêm truyền tĩnh mạch

AZEIN Inj.
(Acyclovir 250mg)

MYUNG IN PHARM CO., LTD. Korea

(Thành phần) mỗi lọ chứa
Acyclovir 250mg
(Dạng bào chế) Bột đông khô pha tiêm
(Chỉ định, Liều lượng & Cách dùng,
Chống chỉ định và các thông tin khác)
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng
(Lưu trữ) trong bao bì kín, nơi khô ráo,
tránh ánh sáng, tránh ẩm ướt, ở nhiệt độ
định mức.

Số 15 SX
HỒ



Handwritten signature

Rx Thuốc bán theo đơn

AZEIN INJ.

(Acyclovir)

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ, dược sỹ.

Tên thuốc: AZEIN INJ.

Thành phần: Mỗi lọ chứa:

Hoạt chất: Acyclovir.....250 mg

Tá dược: Natri hydroxid.

Dạng bào chế: Bột đông khô pha tiêm.

Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ.

Đặc tính dược lực học:

Acyclovir là một chất tương tự nucleosid (acycloguanosin), có tác dụng chọn lọc trên tế bào nhiễm virus *Herpes*. Để có tác dụng acyclovir phải được phosphoryl hóa thành dạng có hoạt tính là acyclovir triphosphat. Ở chặng đầu, acyclovir được chuyển thành acyclovir monophosphat nhờ enzym của virus là thymidinkinase, sau đó chuyển tiếp thành acyclovir diphosphat và triphosphat bởi một số enzym khác của tế bào. Acyclovir triphosphat ức chế tổng hợp DNA của virus và sự nhân lên của virus mà không ảnh hưởng gì đến chuyển hóa của tế bào bình thường.

Tác dụng của acyclovir mạnh nhất trên virus *Herpes simplex* typ 1 (HSV - 1) và kém hơn ở virus *Herpes simplex* typ 2 (HSV - 2), virus *Varicella zoster* (VZV), tác dụng yếu nhất trên cytomegalovirus (CMV). Trên lâm sàng không thấy acyclovir có hiệu quả trên người bệnh nhiễm CMV. Tác dụng chống virus *Epstein Barr* vẫn còn chưa rõ. Trong quá trình điều trị đã xuất hiện một số chủng kháng thuốc và virus *Herpes simplex* tiềm ẩn trong các hạch không bị tiêu diệt.

Acyclovir có tác dụng tốt trong điều trị viêm não thể nặng do virus HSV - 1, tỷ lệ tử vong có thể giảm từ 70% xuống 20%. Trong một số người bệnh được chữa khỏi, các biến chứng nghiêm trọng cũng giảm đi. Acyclovir dùng liều cao tới 10 mg/kg thể trọng, cứ 8 giờ một lần, dùng trong 10 đến 14 ngày. Thể viêm não - màng não nhẹ hơn do HSV - 2 cũng có thể điều trị tốt với acyclovir.

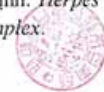
Ở người bệnh nặng, cần tiêm truyền acyclovir tĩnh mạch, như nhiễm HSV lan tỏa ở người suy giảm miễn dịch, người ghép tạng, bệnh máu ác tính, bệnh AIDS, nhiễm *Herpes* tiến phát ở miệng hoặc sinh dục, *Herpes* ở trẻ sơ sinh, viêm giác mạc nặng do *Herpes*, trường hợp này có thể dùng kèm thuốc nhỏ mắt acyclovir 3% để điều trị tại chỗ.

Dược động học:

Acyclovir phân bố rộng trong dịch cơ thể và các cơ quan như: Não, thận, phổi, ruột, gan, lách, cơ, tử cung, niêm mạc và dịch âm đạo, nước mắt, thủy dịch, tinh dịch, dịch não tủy. Liên kết với protein thấp (9 - 33%). Thời gian đạt nồng độ đỉnh trong huyết tương: Nồng độ đỉnh trong huyết thanh: Tiêm tĩnh mạch: 1 giờ. Nửa đời sinh học của thuốc ở người lớn khoảng 3 giờ, ở trẻ em từ 2 - 3 giờ, ở trẻ sơ sinh 4 giờ. Một lượng nhỏ thuốc được chuyển hóa ở gan, còn phần lớn (30 - 90% liều) được đào thải qua thận dưới dạng không biến đổi.

Chỉ định:

Đối với bệnh nhân có hệ miễn dịch bình thường, **Azein Inj.** được chỉ định: *Herpes* sinh dục khởi phát và tái phát, bệnh zona (*Herpes Zoster*), viêm não do *Herpes simplex*.



NAS

Handwritten red text on the right margin

Bệnh nhân suy giảm miễn dịch, **Azein Inj.** được chỉ định: Điều trị bệnh *Herpes simplex*, nhiễm *Varicella zoster* khởi đầu và tái phát, viêm não do *Herpes simplex*

Liều lượng- cách dùng:

Truyền tĩnh mạch chậm trong khoảng hơn 1 giờ.

Thời gian điều trị kéo dài trong khoảng 5 ngày, nhưng có thể điều chỉnh tùy theo tình trạng bệnh nhân và đáp ứng với điều trị. Điều trị viêm não do *Herpes simplex* thường kéo dài trong 10 ngày.

1. Liều lượng ở người lớn:

- Nhiễm *Herpes simplex* ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch hoặc không: Nên dùng acyclovir với liều 5 mg/kg cách nhau 8 giờ.
- Nhiễm lại *Varicella zoster* ở bệnh nhân hệ miễn dịch bình thường: Nên dùng acyclovir với liều 5 mg/kg cách nhau 8 giờ.
- Nhiễm *Varicella zoster* khởi đầu hoặc tái phát ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch: Dùng với liều 10 mg/kg cách nhau 8 giờ.
- Viêm não do Herpes ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch hoặc không: Nên dùng với liều 10 mg/kg cách nhau 8 giờ.

2. Liều ở bệnh nhân suy chức năng thận:

Khi dùng acyclovir cho bệnh nhân suy chức năng thận cần thận trọng. Nên có những điều chỉnh sau đây:

Độ thanh thải creatinin (ml/min)	Liều
25-50	5-10 mg/kg, trong mỗi 12 giờ
10-25	5-10 mg/kg, trong mỗi 24 giờ
0 -10	Những bệnh nhân thẩm phân phúc mạc nên dùng liều 2,5-5 mg/kg, trong mỗi 24 giờ. Bệnh nhân thẩm tách máu: 2,5-5 mg/kg, trong mỗi 24 giờ, sau khi thẩm tách.

3. Liều dùng ở trẻ

Trẻ em (3 tháng đến 12 tuổi): Liều cho lứa tuổi này cần được tính theo diện tích bề mặt cơ thể:

- Trẻ nhiễm *Herpes simplex* (trừ viêm não) hoặc nhiễm *Varicella zoster* nên dùng acyclovir liều 250 mg/m² cơ thể cách nhau 8 giờ.
- Trẻ suy giảm miễn dịch khi nhiễm *Varicella zoster* hoặc trẻ viêm não do *Herpes*, acyclovir nên được dùng với liều 500 mg/m² cơ thể dùng cách nhau 8 giờ nếu trẻ không suy thận.
- Trẻ suy chức năng thận cần điều chỉnh liều cho phù hợp, tùy theo mức độ suy thận.

4. Cách dùng

- 1 lọ pha với 10 ml nước cất pha tiêm hoặc dung dịch natri chlorid 0,9%. Trong quá trình chuẩn bị và hòa tan dung dịch, cần phải tiến hành trong điều kiện hoàn toàn vô khuẩn, và chỉ pha trước khi sử dụng và không sử dụng phần dung dịch đã pha không dùng hết.

Nếu thấy có vẩn hoặc tủa trong dung dịch trước hoặc trong khi tiêm truyền thì phải hủy bỏ.

- Sau khi pha xong, tiêm truyền cần có sự theo dõi và điều chỉnh tốc độ truyền.
- Nếu truyền tĩnh mạch, acyclovir nồng độ 25 mg/ml truyền trong hơn 1 giờ.

Thuốc chỉ dùng khi có sự kê đơn của Bác sĩ



Handwritten signature

Dùng

Chống chỉ định:

Chống chỉ định dùng acyclovir cho người bệnh mẫn cảm với thuốc.

Thận trọng:

Thận trọng với người suy thận, liều dùng phải điều chỉnh theo độ thanh thải creatinin. Tiêm truyền tĩnh mạch chậm, với thời gian trên 1 giờ để tránh kết tủa acyclovir trong thận. Tránh tiêm nhanh hoặc tiêm với một lượng lớn. Cần cho đủ nước. Nguy cơ suy thận tăng lên, nếu dùng đồng thời với các thuốc độc với thận.

Điều trị tiêm truyền tĩnh mạch liều cao có thể gây tăng creatinin huyết thanh có hồi phục, đặc biệt với người bệnh mất nước, dễ làm tăng kết tủa acyclovir trong ống thận

Tác dụng không mong muốn:

- 1) Shock: Hiếm khi xảy ra shock phân vệ và các phân vệ khác có thể xảy ra. Quan sát và trong trường hợp nếu có xuất hiện các triệu chứng như hạ huyết áp, khó thở, tức ngực thì ngừng ngay dùng thuốc và thực hiện các biện pháp thích hợp.
- 2) Phản ứng mẫn cảm: Thỉnh thoảng nổi mẩn, sốt, vi nước, mày đay ban đỏ, nổi mề đay. Trong trường hợp xuất hiện các triệu chứng trên thì ngừng ngay việc dùng thuốc và thực hiện các biện pháp hỗ trợ.
- 3) Da: Có thể xảy ra rụng tóc, ban đỏ đa dạng, hội chứng Steven-Johnson, hoại tử thượng bì nhiễm độc (hội chứng Lyell) có thể xuất hiện.
- 4) Thần kinh: Hiếm khi xảy ra rối loạn ý thức, mê sảng, co giật, lo lắng, chóng mặt, ảo giác không thường xuyên, hoang mang. Liệt cảm giác ở lưỡi, bàn tay và bàn chân, run, buồn ngủ, nhức đầu, khó chịu, rối loạn thần kinh, cảm xúc không ổn định, thường xuyên tập trung rối loạn, hay quên, mất ngủ, loạn thần kinh vận động, rối loạn cảm giác.
- 5) Thận: Suy thận cấp tính, đái ra mù, thỉnh thoảng có tăng cao nồng độ ure trong huyết thanh (BUN) và creatinin, hiếm tiểu tiện ra máu, protein niệu, và rất hiếm suy thận cấp tính.
- 6) Gan: Viêm gan, rối loạn chức năng gan, bệnh vàng da, đôi khi có sự bất bình thường của các chỉ số đánh giá chức năng gan (AST/ ALT, LDH, ALP, γ -GTP, và tăng nồng độ bilirubin).
- 7) Tiêu hóa: Viêm dạ dày, khó tiêu, sưng lưỡi, cảm giác khát nước, táo bón, viêm tụy cấp, thỉnh thoảng buồn nôn, nôn, đau bụng, đau dạ dày, đau thượng vị, hiếm khi gây tiêu chảy, chán ăn có thể xảy ra.
- 8) Tuần hoàn: Thỉnh thoảng đau ngực, hiếm khi hồi hộp, tăng huyết áp, loạn nhịp tim không thường xuyên và giảm huyết áp có thể xảy ra.
- 9) Cơ xương: Đau khớp và đau cơ có thể xảy ra

Thông báo ngay cho bác sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Tương tác thuốc:

Dùng đồng thời zidovudin và acyclovir có thể gây trạng thái ngủ lịm và lơ mơ.

Probenecid ức chế cạnh tranh đào thải acyclovir qua ống thận, nên tăng tới 40% và giảm thải trừ qua nước tiểu và độ thanh thải của acyclovir.

Amphotericin B và ketoconazol làm tăng hiệu lực chống virus của acyclovir.

Interferon làm tăng tác dụng chống virus in vitro của acyclovir. Thận trọng khi dùng thuốc

tiêm acyclovir cho người bệnh trước đây đã có phản ứng về thần kinh với interferon.

Dùng acyclovir tiêm phải thận trọng với người bệnh đã có phản ứng về thần kinh khi dùng methotrexat.



Handwritten signature or initials in blue ink.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai

Chỉ nên dùng acyclovir cho người mang thai khi lợi ích điều trị hơn hẳn rủi ro có thể xảy ra với bào thai.

Thời kỳ cho con bú

Thuốc được bài tiết qua sữa mẹ khi dùng đường uống. Nên thận trọng khi dùng thuốc đối với người cho con bú.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Do acyclovir có thể gây ra các phản ứng bất lợi trên hệ thần kinh như: Nhầm lẫn, ảo giác, kích động, chán động, buồn ngủ, rối loạn tâm thần và hôn mê. Do đó có thể gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc tàu xe.

Quá liều và cách xử trí:

Triệu chứng: Có kết tủa trong ống thận khi nồng độ trong ống thận vượt quá độ hòa tan 2,5 mg/ml, hoặc khi creatinin huyết thanh cao, suy thận, trạng thái kích thích, bồn chồn, run, co giật, đánh trống ngực, cao huyết áp, khó tiểu tiện.

Điều trị: Thăm tách máu người bệnh cho đến khi chức năng thận phục hồi, ngừng thuốc, cho truyền nước và điện giải.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Dung dịch tiêm truyền phải được dùng ngay sau khi pha.

ĐỂ THUỐC TRÁNH XA TẦM TAY TRẺ EM.

Nhà sản xuất

MYUNG IN PHARM CO., LTD.

361-12, Noha-gil, Paltan-Myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.

Ngày xem xét sửa đổi cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 24/05/2016



12/10/2016

10/12

TỜ THÔNG TIN CHO BỆNH NHÂN

1. Tên sản phẩm: AZEIN INJ.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ

2. Thành phần, hàm lượng của thuốc

Mỗi lọ chứa:

Hoạt chất: Acyclovir.....250 mg

Tá dược: Natri hydroxid.

3. Mô tả sản phẩm

Bột đông khô pha tiêm.

Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ.

4. Thuốc dùng cho bệnh gì?

Đối với bệnh nhân có hệ miễn dịch bình thường, **Azein Inj.** được chỉ định: *Herpes* sinh dục khởi phát và tái phát, bệnh zona (*Herpes Zoster*), viêm não do *Herpes simplex*.

Bệnh nhân suy giảm miễn dịch, **Azein Inj.** được chỉ định: Điều trị bệnh *Herpes simplex*, nhiễm *Varicella zoster* khởi đầu và tái phát, viêm não do *Herpes simplex*

5. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

Truyền tĩnh mạch chậm trong khoảng hơn 1 giờ.

Thời gian điều trị kéo dài trong khoảng 5 ngày, nhưng có thể điều chỉnh tùy theo tình trạng bệnh nhân và đáp ứng với điều trị. Điều trị viêm não do *Herpes simplex* thường kéo dài trong 10 ngày.

1. Liều lượng ở người lớn:

- Nhiễm *Herpes simplex* ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch hoặc không: Nên dùng acyclovir với liều 5 mg/kg cách nhau 8 giờ.
- Nhiễm lại *Varicella zoster* ở bệnh nhân hệ miễn dịch bình thường: Nên dùng acyclovir với liều 5 mg/kg cách nhau 8 giờ.
- Nhiễm *Varicella zoster* khởi đầu hoặc tái phát ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch: Dùng với liều 10 mg/kg cách nhau 8 giờ.
- Viêm não do Herpes ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch hoặc không: Nên dùng với liều 10 mg/kg cách nhau 8 giờ.

2. Liều ở bệnh nhân suy chức năng thận:

Khi dùng acyclovir cho bệnh nhân suy chức năng thận cần thận trọng. Nên có những điều chỉnh sau đây:



Handwritten signature

Độ thanh thải creatinin (ml/min)	Liều
25-50	5-10 mg/kg, trong mỗi 12 giờ
10-25	5-10 mg/kg, trong mỗi 24 giờ
0 - 10	Những bệnh nhân thâm phân phúc mạc nên dùng liều 2,5-5 mg/kg, trong mỗi 24 giờ. Bệnh nhân thâm tách máu: 2,5-5 mg/kg, trong mỗi 24 giờ, sau khi thâm tách.

3. Liều dùng ở trẻ

Trẻ em (3 tháng đến 12 tuổi): Liều cho lứa tuổi này cần được tính theo diện tích bề mặt cơ thể:

- Trẻ nhiễm *Herpes simplex* (trừ viêm não) hoặc nhiễm *Varicella zoster* nên dùng acyclovir liều 250 mg/m² cơ thể cách nhau 8 giờ.
- Trẻ suy giảm miễn dịch khi nhiễm *Varicella zoster* hoặc trẻ viêm não do *Herpes*, acyclovir nên được dùng với liều 500 mg/m² cơ thể dùng cách nhau 8 giờ nếu trẻ không suy thận.
- Trẻ suy chức năng thận cần điều chỉnh liều cho phù hợp, tùy theo mức độ suy thận.

4. Cách dùng


- 1 lọ pha với 10 ml nước cất pha tiêm hoặc dung dịch natri chlorid 0,9%. Trong quá trình chuẩn bị và hòa tan dung dịch, cần phải tiến hành trong điều kiện hoàn toàn vô khuẩn, và chỉ pha trước khi sử dụng và không sử dụng phần dung dịch đã pha không dùng hết. Nếu thấy có vẩn hoặc tủa trong dung dịch trước hoặc trong khi tiêm truyền thì phải hủy bỏ.
- Sau khi pha xong, tiêm truyền cần có sự theo dõi và điều chỉnh tốc độ truyền. Nếu truyền tĩnh mạch, acyclovir nồng độ 25 mg/ml truyền trong hơn 1 giờ.

6. Khi nào không nên dùng thuốc này?

Chống chỉ định dùng acyclovir cho người bệnh mẫn cảm với thuốc.

7. Tác dụng không mong muốn

- 1) Shock: Hiếm khi xảy ra shock phản vệ và các phản vệ khác có thể xảy ra. Quan sát và trong trường hợp nếu có xuất hiện các triệu chứng như hạ huyết áp, khó thở, tức ngực thì ngừng ngay dùng thuốc và thực hiện các biện pháp thích hợp.
- 2) Phản ứng mẫn cảm: Thỉnh thoảng nổi mẩn, sốt, vi nước, mày đay ban đỏ, nổi mề đay. Trong trường hợp xuất hiện các triệu chứng trên thì ngừng ngay việc dùng thuốc và thực hiện các biện pháp hỗ trợ.
- 3) Da: Có thể xảy ra rụng tóc, ban đỏ đa dạng, hội chứng Steven-Johnson, hoại tử thượng bì nhiễm độc (hội chứng Lyell) có thể xuất hiện.
- 4) Thần kinh: Hiếm khi xảy ra rối loạn ý thức, mê sảng, co giật, lo lắng, chóng mặt, ảo giác không thường xuyên, hoang mang. Liệt cảm giác ở lưỡi, bàn tay và bàn chân, run, buồn ngủ, nhức đầu, khó chịu, rối loạn thần kinh, cảm xúc không ổn định, thường xuyên tập trung rối loạn, hay quên, mất ngủ, loạn thần kinh vận động, rối loạn cảm giác.


MAZ

- 5) Thận: Suy thận cấp tính, đái ra mù, thỉnh thoảng có tăng cao nồng độ ure trong huyết thanh (BUN) và creatinin, hiếm tiểu tiện ra máu, protein niệu, và rất hiếm suy thận cấp tính.
- 6) Gan: Viêm gan, rối loạn chức năng gan, bệnh vàng da, đôi khi có sự bất bình thường của các chỉ số đánh giá chức năng gan (AST/ ALT, LDH, ALP, γ -GTP, và tăng nồng độ bilirubin).
- 7) Tiêu hóa: Viêm dạ dày, khó tiêu, sưng lưỡi, cảm giác khát nước, táo bón, viêm tụy cấp, thỉnh thoảng buồn nôn, nôn, đau bụng, đau dạ dày, đau thượng vị, hiếm khi gây tiêu chảy, chán ăn có thể xảy ra.
- 8) Tuần hoàn: Thỉnh thoảng đau ngực, hiếm khi hồi hộp, tăng huyết áp, loạn nhịp tim không thường xuyên và giảm huyết áp có thể xảy ra.
- 9) Cơ xương: Đau khớp và đau cơ có thể xảy ra

8. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

Dùng đồng thời zidovudin và acyclovir có thể gây trạng thái ngủ lịm và lơ mơ.
Probenecid ức chế cạnh tranh đào thải acyclovir qua ống thận, nên tăng tới 40% và giảm thải trừ qua nước tiểu và độ thanh thải của acyclovir.
Amphotericin B và ketoconazol làm tăng hiệu lực chống virus của acyclovir.
Interferon làm tăng tác dụng chống virus in vitro của acyclovir. Thận trọng khi dùng thuốc tiêm acyclovir cho người bệnh trước đây đã có phản ứng về thần kinh với interferon.
Dùng acyclovir tiêm phải thận trọng với người bệnh đã có phản ứng về thần kinh khi dùng methotrexat.

9. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?

Theo sự chỉ định của bác sỹ.

10. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

11. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều

Triệu chứng: Có kết tủa trong ống thận khi nồng độ trong ống thận vượt quá độ hòa tan 2,5 mg/ml, hoặc khi creatinin huyết thanh cao, suy thận, trạng thái kích thích, bồn chồn, run, co giật, đánh trống ngực, cao huyết áp, khó tiểu tiện.

12. Cần làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo?

Điều trị: Thẩm tách máu người bệnh cho đến khi chức năng thận phục hồi, ngừng thuốc, cho truyền nước và điện giải.

13. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này?

Thận trọng với người suy thận, liều dùng phải điều chỉnh theo độ thanh thải creatinin. Tiêm truyền tĩnh mạch chậm, với thời gian trên 1 giờ để tránh kết tủa acyclovir trong thận. Tránh tiêm nhanh hoặc tiêm với một lượng lớn. Cần cho đủ nước. Nguy cơ suy thận tăng lên, nếu dùng đồng thời với các thuốc độc với thận.



MAZ

Điều trị tiêm truyền tĩnh mạch liều cao có thể gây tăng creatinin huyết thanh có hồi phục, đặc biệt với người bệnh mất nước, dễ làm tăng kết tủa acyclovir trong ống thận

14. Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ?

Tham vấn bác sĩ nếu gặp phải tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc.
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

15. Hạn dùng của thuốc?

36 tháng kể từ ngày sản xuất. Dung dịch tiêm truyền phải được dùng ngay sau khi pha.

16. Tên, địa chỉ của nhà sản xuất

MYUNG IN PHARM CO., LTD.

361-12, Noha-gil, Paltan-Myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

17. Ngày xem xét sửa đổi cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 24/05/2016



TU. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Phạm Thị Văn Hạnh

NT2